

Phẩm 8: XỨ PHƯƠNG TIỆN LỰC CHỦNG TÁNH

Đã nói về học xứ của Bồ-tát, nay sẽ nói về Bồ-tát học. Như vậy Bồ-tát muốn học tốt Bồ-tát học phải có bảy việc: Một là tu nhiều tin hiểu. Hai là cầu pháp. Ba là thuyết pháp. Bốn là pháp tiếp pháp hưởng. Năm là chánh giáo thọ. Sáu là giáo giới. Bảy là thâm giữ phương tiện nơi thân, khẩu, ý nghiệp.

Thế nào là Bồ-tát tu nhiều tin hiểu? Bồ-tát, trong tám thứ xứ giải, tịnh tín đứng đầu, nhất tâm quyết định việc ưa muốn thành tựu, là công đức Tam bảo: Công đức của Phật, Pháp, Tăng. Chư Phật, Bồ-tát thân lực tự tại, là nghĩa chân thật, là nghĩa vô số nhân, nghĩa vô số quả, tùy thuận tương ứng mà không điên đảo. Đắc nghĩa, đắc phương tiện, có khả năng nhận đắc. Có đắc phương tiện thì có thể thủ đắc nghĩa. Đắc nghĩa tức là Bồ-đề vô thượng. Đắc phương tiện tức là tất cả đạo lý Bồ-tát đã tu học. Đó là tin hiểu, khéo giảng nói. Tức là Tu-đa-la, Kỳ dạ, Thọ ký v.v... nơi vô lượng ngôn giáo, khéo giảng nói vi diệu, Bồ-tát đối với tám thứ xứ giải này, có hai loại giải lực: Một là tu nhiều giải hành. Hai là vui hành nhẫn sâu.

Bồ-tát cầu pháp, cầu pháp nào? Cầu như thế nào? Vì sao cầu? Cầu pháp nào, tức nếu lược nói là cầu tạng Bồ-tát, cầu tạng Thanh văn, ngoại luận, thế gian công nghiệp xứ trí. Mười hai bộ kinh, chỉ có một bộ Phương Quảng là tạng Bồ-tát, mười một bộ còn lại là tạng Thanh văn. Ngoại luận lược nói có ba thứ: Nhân luận, Thanh luận và Y phương luận. Thế gian công nghiệp xứ trí nghĩa là các thứ sự nghiệp, như các thợ vàng, thợ bạc... và các thứ khác thuộc về minh xứ. Minh xứ có năm thứ: Một là nội minh xứ. Hai là nhân minh xứ. Ba là thanh minh xứ. Bốn là y phương minh xứ. Năm là công nghiệp minh xứ. Năm thứ minh xứ này Bồ-tát đều cầu học. Những lời Phật dạy gọi là Nội luận, lược nói có hai loại: Một là hiển bày chánh nhân quả. Hai là hiển bày điều đã làm không hoại, không tạo tác, không thọ nhận. Nhân luận cũng có hai loại: Một là có thể hàng phục luận của người. Hai là tự diễn rộng nghĩa của mình. Thanh luận có hai thứ: Một là hiển bày giới sắc. Hai là hiển bày ngôn từ thiện xảo. Y phương luận có bốn thứ: Một là hiển bày khéo biết bệnh. Hai là hiển bày nguyên nhân của bệnh. Ba là hiển bày có thể dứt trừ bệnh đã khởi. Bốn là hiển bày bệnh đã dứt trừ rồi khiến không khởi lại.

Thế gian công nghiệp xứ trí nghĩa là hiển bày các sự nghiệp thế

gian đã thành tựu.

Thế nào là Phật giảng thuyết? Là nhân không điên đảo có mười thứ, nên biết là gồm thấu tất cả các nhân, tất cả phiền não, tất cả thanh tịnh, tất cả vô ký. Những gì là mười? Một là nhân tùy thuyết. Hai là nhân dĩ hữu. Ba là nhân chủng thực. Bốn là nhân nhiếp. Năm là nhân sinh. Sáu là nhân trưởng. Bảy là nhân tự chủng. Tám là nhân cộng sự. Chín là nhân tương vi. Mười là nhân bất tương vi. Tất cả danh pháp này, có danh rồi tướng, tướng rồi nói. Danh, tướng ngôn thuyết của các pháp này, gọi là nhân tùy thuyết. Do có sự cho nên có tạo tác, đây gọi là nhân dĩ hữu. Do có tay cho nên có làm, do có chân cho nên có đạp đi, do có thân cho nên có co, duỗi, do có đói khát cho nên có tìm cầu đồ ăn uống, những thứ như vậy vô lượng vô biên gọi là nhân dĩ hữu. Trồng các hạt giống, gọi là nhân chủng thực. Đất nước thấm nhuần gọi là nhân nhiếp. Mầm ở trong hạt gọi là nhân sinh. Mầm cành tiếp nối cho đến thành thực gọi là nhân trưởng. Vô số các hạt giống mỗi mỗi tự sinh, gọi là nhân tự chủng. Sáu nhân: nhân dĩ hữu, nhân chủng thực, nhân nhiếp, nhân sinh, nhân trưởng, nhân tự chủng, gọi chung là nhân cộng sự. Chướng ngại sự sinh gọi là nhân tương vi. Không chướng ngại gọi là nhân bất tương vi. Tương vi có sáu thứ:

Một là ngữ tương vi, nghĩa là Sa-môn, Bà-la-môn nói kinh luận, trước sau trái nhau.

Hai là sở ứng tương vi, nghĩa là nói tất cả nghĩa và lý trái nhau.

Ba là sinh tương vi, nghĩa là sinh duyên không đầy đủ, chướng ngại sự sinh khởi.

Bốn là xứ tương vi, nghĩa là các pháp như sáng, tối, thương, giận, khổ, vui.

Năm là oán tương vi, nghĩa là các loài rắn độc, chuột, chó sói, mèo, những loài thú ấy đều là oán hại.

Sáu là đối trị tương vi, nghĩa là tu quán bất tịnh để đối trị tham dục, tu từ để chấm dứt sân giận, tu tâm bi để đình chỉ giận hại, tu đạo phẩm vô lậu để đoạn vĩnh viễn phiền não. Trong đây, dùng sinh tương vi để nêu bày. Các nhân này thuộc về hai nhân: Một là nhân sinh. Hai là nhân phương tiện. Gieo trồng các chủng tử sinh gọi là nhân sinh, các nhân khác gọi là nhân phương tiện.

Lại có bốn duyên: Duyên nhân, duyên thứ đệ, duyên duyên và duyên tăng thượng. Nhân sinh là duyên nhân. Nhân phương tiện là duyên tăng thượng. Duyên thứ đệ và Duyên duyên là tâm, tâm số pháp. Nghĩa là tâm, tâm số pháp sinh trước, khai mở dẫn dắt thấu nhận duyên,

thâu nhận sinh. Thế nên, hai duyên thâu giữ những gì thuộc về nhân.

Vì sao mười nhân này sinh khởi tất cả sự của thế gian? Vì sao sinh tất cả phiền não? Vì sao sinh tất cả thanh tịnh? Như các loại lương thực, thế gian thường dựa vào mà sống; các danh, tướng, ngôn thuyết, như gạo nếp, lúa tẻ, lúa nếp hương, lúa gạo, mè, đậu, lúa mì. Đấy gọi là nhân tùy thuyết. Như đại mạch hoặc đem đến, hoặc mang đi, hoặc lấy, hoặc cho, vô số những thứ ngôn thuyết như vậy, ngoài ra tất cả cũng như thế. Do có thân đói khát, gây ốm nên cầu tìm thức ăn uống, những thứ như vậy gọi là nhân dĩ hữu. Như gieo trồng các hạt giống, mỗi một đều tự sinh, là bắt đầu gieo trồng chủng tử, gọi là nhân chủng thực. Đất nước thấm nhuần khiến mầm được sinh, đó gọi là nhân nhiếp. Mầm mọc nơi hạt giống gọi là nhân sinh. Lại nữa, mầm lá cành thân cây lần lượt nối tiếp nhau cho đến thành thực, đó gọi là nhân trưởng. Như hạt giống lúa mì thì sinh mầm lúa mì chứ không phải loại khác, ngoài ra cũng như thế, đấy gọi là nhân tự chủng. Từ nhân dĩ hữu cho đến nhân tự chủng, đều gọi là nhân cộng sự, vì tất cả hòa hợp mà sinh nên gọi là nhân cộng sự. Sương, mưa đá, tai họa, chướng ngại phá hoại gọi là nhân tương vi, những cái kia không đầy đủ, không chướng ngại, gọi là nhân bất tương vi. Ngoài ra, tất cả việc ở thế gian đều do mười nhân sinh ra, tùy theo chỗ thích hợp nên biết.

Vì sao sinh tất cả phiền não? Tất cả duyên khởi kia là danh, tướng, ngôn thuyết. Đó là: Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh lão bệnh tử, ưu bi khổ não, đó gọi là nhân tùy thuyết của phiền não. Vô minh duyên hành cho đến sinh duyên lão tử... cảnh giới ngôn thuyết từng nhớ lại rồi tham đắm vị, các chi hữu sinh, đó gọi là phiền não nơi nhân dĩ hữu. Các pháp như vô minh... chủng tử hiện pháp, sinh các thứ sinh khác như sinh lão bệnh tử, đó gọi là nhân chủng thực. Không gần thiện hữu nghe thọ chánh pháp, học tập tư duy bất chánh, nên vô minh v.v... sinh, đó gọi là nhân nhiếp. Mỗi mỗi chủng tử đều từ nơi vô minh... sinh, gọi là nhân sinh. Từ vô minh đến hữu sau có tăng tiến cùng tìm cầu, đến sinh khác như sinh lão bệnh tử, đấy gọi là nhân trưởng. Các loại chủng tử đều từ vô minh cho đến hữu sau, sinh nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và cõi người, trời, đấy gọi là phiền não nơi nhân tự chủng. Từ nhân dĩ hữu cho đến nhân tự chủng, đó gọi là nhân cộng sự. Nếu có chủng tánh gặp được Phật ra đời diễn thuyết pháp thiện, gần thiện tri thức, nghe nhận chánh pháp, tư duy chánh niệm, pháp tiếp pháp hưởng, đạo phẩm thanh tịnh, gọi là phiền não nơi nhân tương vi. Như trên đã nói, nếu không đầy đủ, gọi là nhân bất tương vi.

Đó gọi là mười nhân sinh tất cả phiền não, nên biết.

Vì sao sinh tất cả thanh tịnh? Tất cả pháp tịnh cho đến Niết-bàn diệt tận, với các danh, tướng, ngôn thuyết, đó gọi là pháp tịnh nơi nhân tùy thuyết. Niệm xứ, chánh cần nảy cho đến tám chánh đạo, vô minh diệt cho đến sinh lão bệnh tử diệt, danh, tướng, ngôn thuyết như vậy, đó gọi là pháp tịnh nơi nhân tùy thuyết. Do có vô minh... cho nên ưa cầu pháp tịnh, pháp tịnh, pháp tịnh được sinh, đó gọi là nhân dĩ hữu. Nếu người đầy đủ chủng tánh, hưởng đến Niết-bàn hữu dư, vô dư mà tu hành đầu tiên thì gọi là thanh tịnh nơi nhân chủng thực. Chủng tánh gồm thân chủng tử của đạo phẩm vô lậu, đối với các pháp đạo phẩm, đó gọi là nhân sinh. Gần gũi thiện tri thức, nghe nhận pháp thiện, tu chánh tư duy, các căn thành thực, đấy gọi là nhân nhiếp. Chủng tử kia sinh pháp đạo phẩm, hưởng đến Niết-bàn Vô dư, đó gọi là nhân trưởng. Chủng tánh Thanh văn do Thanh văn thừa mà bát Niết-bàn. Chủng tánh Duyên giác do Duyên giác thừa mà bát Niết-bàn. Chủng tánh Đại thừa do Đại thừa vô thượng mà bát Niết-bàn, đấy gọi là nhân tự chủng. Từ nhân dĩ hữu cho đến nhân tự chủng, gọi là nhân cộng sự. Chủng tánh không đầy đủ, không gặp được Phật ra đời, sinh chỗ có các nạn, không gần gũi bạn tốt, không nghe pháp thiện, không tư duy chân chánh, tập hành đạo tà, đấy gọi là pháp tịnh nơi nhân tương vi. Nhân tương vi này không đầy đủ, đó gọi là nhân bất tương vi. Các phiền não nơi nhân tương vi, là nhân của pháp tịnh. Pháp tịnh nơi nhân tương vi là nhân thanh tịnh, đều cũng như đây, không khác, không hơn.

Thế nào là quả? Lược nói có năm thứ: Một là quả báo. Hai là quả y. Ba là quả giải thoát. Bốn là quả sĩ phu. Năm là quả tăng thượng. Các pháp bất thiện thì có báo đờng ác, pháp thiện hữu lậu được báo đờng thiện, đó gọi là quả báo. Nếu hành tập pháp bất thiện, ưa trụ trong pháp bất thiện, thì pháp bất thiện tăng. Nếu tu tập pháp thiện, ưa trụ trong pháp thiện, thì pháp thiện tăng trưởng. Nghiệp trước thế nào, quả sau sinh tương tự, đấy gọi là quả y. Tám chánh đạo diệt trừ các phiền não, gọi là quả giải thoát. Hoặc đạo lý thế tục diệt các phiền não, phàm phu không rớt ráo lừa bịp, không phải quả giải thoát. Hoặc đối với hiện pháp, nương vào các thứ nghiệp công xảo xứ ở thế gian, các việc của sĩ phu, đó là mua bán, làm nông, quan lại cai trị, viết vẽ toán số, xem bói, ấn phong, mỗi mỗi đều có quả sinh, đó gọi là quả sĩ phu.

Nhân thức là quả tăng thượng của nhân căn, cho đến ý thức là quả tăng thượng của ý căn, sinh lý không hoại đó là quả tăng thượng của mạng căn. Tất cả hai mươi hai căn đều làm tăng thượng, đều có quả

sinh, phải biết đều là quả tăng thượng. Hai mươi hai căn này, về tăng thượng như nơi xứ Nhiếp sự đã nói. Bồ-tát như vậy biết Đức Phật hiển bày chánh nhân quả xong, đối với xứ phi xứ thì chủng tánh trí lực sẽ lần lượt tu tập, thanh tịnh tăng trưởng, chẳng phải không tạo tác khác tạo tác mà có được sự thành thực, cũng không phải nghiệp tự tạo tác, trải qua nhiều kiếp mà mất. Người tạo không mất, không tạo tác không thọ nhận. Phật đã hiển bày như vậy, Bồ-tát biết như thật về chủng tánh nơi trí lực, của tự nghiệp rồi, thứ tự tu tập, thanh tịnh tăng trưởng.

Thế nào là Bồ-tát cầu nghe pháp? Là Bồ-tát trụ ân cần cung kính cầu thuyết pháp thiện, ngữ pháp thiện, như thế lược nói, cầu thiện thuyết pháp trụ siêng năng cung kính trụ. Nếu Bồ-tát được nghe một thuyết pháp thiện, dù đường đi đến là đường ác, đại địa bị thiêu đốt, vẫn hãy còn hoan hỷ, từ trong đó vượt qua hướng chi là nghe nhiều. Được nghe pháp một lần, hãy còn không luyến tiếc thân mạng luôn được yêu quý, hướng gì là các tài sản khác. Một lần nghe thuyết pháp mà yêu thích cung kính, so với sự kính mến ở trước gấp trăm ngàn vạn lần, cho đến toán số ví dụ cũng không so sánh được. Nghĩa là nghe thuyết pháp thiện, tâm không chán đủ, tăng trưởng tịnh tín, thân kia êm dịu, tâm chính trực, thấy biết ngay thẳng, vui thích công đức sâu xa. Đến chỗ thuyết pháp tâm không trở ngại, cung kính trừ “mạn”, chỉ cầu chánh pháp, không cầu danh xưng, vì mình và người mà tu các thiện căn, không vì lợi dưỡng. Đến chỗ thuyết pháp, nghe pháp với tâm không nhiệm ô, tâm không tán loạn. Tâm không nhiệm khi nghe pháp nghĩa là xa lìa phiền não tự cao, xa lìa phiền não như tưởng xem thường, tưởng hạ thấp. Có bảy hành xa lìa phiền não cao ngạo: Một là thường nghe. Hai là muốn lãnh thọ. Ba là nghe ngay. Bốn là cung kính mà nghe. Năm là không đùa giỡn. Sáu là tùy thuận. Bảy là không tìm câu lỗi lầm. Bảy hành như vậy sẽ xa lìa phiền não cao ngạo. Có bốn hành xa lìa phiền não nơi tưởng xem thường: Một là cung kính pháp. Hai là cung kính người thuyết pháp. Ba là không xem nhẹ pháp. Bốn là không coi thường người thuyết pháp. Bốn hành như vậy sẽ xa lìa phiền não nơi tưởng xem thường. Một hành xa lìa phiền não nơi tưởng hạ thấp, đó là nghe nhận chánh pháp, không tự xem nhẹ việc nghe pháp. Dùng một hành này là xa lìa phiền não nơi tưởng hạ thấp. Xa lìa những lỗi như thế, để nghe nhận chánh pháp, đó gọi là Bồ-tát tâm không nhiệm khi nghe pháp.

Thế nào là tâm không loạn khi nghe pháp? Có bốn hành: Một là nhất tâm. Hai là nghiêng mình mà nghe. Ba là định ý. Bốn là hết mực chuyên chú vui thích nghe nhận chánh pháp. Đó gọi là Bồ-tát cầu nghe

pháp.

Bồ-tát vì lý do nào mà cầu nghe pháp? Bồ-tát cầu Phật thuyết pháp, vì lãnh thọ chánh pháp, sau mới hướng đến chánh pháp, vì người khác giảng nói rộng.

Bồ-tát cầu Nhân luận là muốn biết chỗ sai lầm của luận kia, muốn hàng phục luận khác. Người chưa tin pháp Phật khiến sinh niềm tin, người sinh niềm tin rồi khiến thêm rộng lớn.

Bồ-tát cầu Thanh luận là rộng vì chúng sinh diễn nói lời chân chánh khiến họ ưa thích, vì làm trang nghiêm ý vị của từ, cú, ở trong một nghĩa được trang nghiêm với nhiều thứ ngôn từ.

Bồ-tát cầu Y phương luận là vì nhằm trừ các thứ bệnh cho chúng sinh, thấu nhận đại chúng. Bồ-tát cầu trí công nghiệp xứ của thế gian, vì ít phương tiện mà thấu hoạch được nhiều của cải tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh. Vì dạy cho chúng sinh đủ các thứ sự nghiệp, nên Bồ-tát cầu năm minh xứ như thế. Vì Bồ-đề vô thượng, đại trí rất ráo viên mãn, chẳng phải không theo thứ lớp, học tất cả pháp để đắc trí hết thấy không chướng ngại, đó gọi là Bồ-tát đã tìm cầu theo như chỗ tìm cầu mà làm.

Bồ-tát vì người mà giảng nói là giảng nói cái gì? Giảng nói như thế nào? Vì lý do gì mà giảng nói? Bồ-tát như pháp đã cầu, như pháp ấy nói, như nghĩa đã cầu nghĩa, như nghĩa ấy nói. Vì hai lý do nên giảng nói, một là tùy thuận thuyết, hai là thanh tịnh thuyết. Tùy thuận thuyết là trụ nơi oai nghi như pháp mà thuyết giảng, không phải không như pháp, không vì người không bệnh ngồi ở chỗ cao mà thuyết giảng. Người che đầu, người đi trước, đều không vì họ mà giảng nói, như nơi kinh đã nói rộng. Vì sao? Vì chư Phật, Bồ-tát tự cung kính pháp, do cung kính pháp nên khiến cho các chúng sinh phát khởi sự cung kính sâu xa, nghe rồi thì phụng trì không khởi khinh mạn. Giảng nói tất cả, giảng nói không gián đoạn, không keo kiệt đối với pháp, không làm vị thầy mỗi chán, theo thứ tự nơi cú vị mà nói, theo thứ tự nơi cú vị mà lãnh thọ, theo thứ tự phân biệt mà nói về nghĩa lợi ích và pháp lợi ích. Đối với các thứ nghĩa lợi ích, chỉ bày điều cần chỉ bày, trao truyền điều đáng trao truyền, soi tỏ chỗ đáng soi tỏ, vui mừng việc đáng vui mừng, hiện trí, tỷ trí, nghe đầy đủ từ thầy, lại vì người mà giảng nói, luôn suy lường, nghe đầy đủ để thuận hướng về nẻo thiện, không giảng nói tạp loạn, phải khéo giảng nói, không nói ẩn giấu, theo sự thích hợp của mọi người vì họ giảng nói rộng, như nói bốn Thánh đế.

Mười lăm thứ này, Bồ-tát vì khắp chúng sinh tùy thuận khéo giảng

nói, tất cả đều là lợi người, cần phải biết.

Lại nữa, Bồ-tát đối với người không tạo lợi ích cho mình nên trụ trong tâm từ mà giảng nói. Với hành giả nơi nẻo ác thì trụ trong tâm an ổn mà giảng nói. Với chúng sinh khổ, vui, buồn lung, nghèo thiếu, trụ trong tâm an lạc, thương xót mà giảng nói. Không do ganh ghét trối buộc để tự khen ngợi mình, chê bai người, lừa tâm tham chấp, không cầu danh lợi, vì người thuyết pháp. Năm thứ như vậy là Bồ-tát thanh tịnh nói pháp. Trước sau lược nói có hai mươi thứ: Một là thời. Hai là chốn. Ba là thứ lớp. Bốn là tương tục. Năm là nhẫn nại. Sáu là hoan hỷ. Bảy là dục. Tám là vui. Chín là mừng. Mười là không chê bai. Mười một là ứng hợp. Mười hai là văn tự đầy đủ. Mười ba là không xen tạp. Mười bốn là như pháp. Mười lăm là tùy chúng. Mười sáu là tâm từ. Mười bảy là tâm an. Mười tám là tâm thương xót. Mười chín là không tự khen mà chê người. Hai mươi là không nương vào danh lợi. Đó gọi là Bồ-tát vì người thuyết pháp.

Thế nào là Bồ-tát pháp tiếp pháp hương? Lược nói có năm thứ: Như pháp mong cầu, như pháp đã thấu giữ, thân, khẩu, ý tùy chuyển, chánh tư và tu. Hoặc pháp này Đức Thế Tôn cấm thân khẩu ý làm, hoặc nghe cho thân, khẩu, ý làm, đối với nghiệp thân, khẩu, ý kia, như vậy là nên xa lìa, như vậy là nên tu tập, thân, khẩu, ý tùy chuyển, đây gọi là pháp tiếp pháp hương.

Chánh “tư” là Bồ-tát một mình ở chỗ thanh tịnh, như pháp đã nghe, tư duy, lượng tính, quán xét, trước hết xa lìa chỗ không tư lượng, tư lượng đối với pháp, siêng tư duy nhanh chóng, thường tư duy, tư duy nhanh, phương tiện không dừng. Bồ-tát đầy đủ chánh tư, đầy đủ hành tùy thuận nhập, có chỗ xả bỏ, dựa vào nghĩa, không dựa vào vị, nói tối nói sáng, Bồ-tát đều nhận biết như thật. Trước hết suy xét người nên nhập, người đã nhập rồi, luôn luôn tư duy. Bồ-tát lìa chỗ không tư lượng nghĩa là không theo tâm ngu, tâm loạn, mà siêng tư duy, thường tư duy nhanh chóng tư.

Phương tiện không dừng là với người chưa hiểu nghĩa, khiến được hiểu, hiểu nghĩa rồi khiến không quên mất. Đầy đủ là có chỗ nhập, chỗ hành, không do người khác, có khả năng quán xét đầy đủ. Có chỗ xả là nếu biết các pháp không phải là cảnh giới kia, thì nên tự nghĩ: Cảnh giới này Đức Phật vốn biết không phải là cảnh giới của ta, như vậy là không phỉ báng, tự không có tội lỗi. Bồ-tát dựa vào nghĩa không dựa vào vị là khéo hội nhập lời nói ẩn mật của Như Lai. Khéo biết về thuyết giảng ngầm, rõ nghĩa là đối với nghĩa chân thật, không hề dao động.

Bồ-tát khi mới nhập chánh tư, trước chưa đắc nhãn, nay đã đắc nhãn, đã đắc nhãn rồi, vững chắc tùy thuận nhập vào tu tuệ. Tám thứ như vậy thuộc về chánh tư của Bồ-tát. Người tu pháp tiếp pháp hưởng, lược nêu có bốn thứ: Một là chỉ. Hai là quán. Ba là tu tập chỉ quán. Bốn là vui trụ chỉ quán. Chỉ nghĩa là tám thứ chánh tư của Bồ-tát, khéo chánh chân thật, thuyết pháp lia ngôn từ, hoặc sự hoặc lý, buộc tâm trong duyên, xa lia tất cả hư giả, nóng vội, và các sự nghĩ nhớ. Trong duyên giải thoát, buộc tâm an lập nơi tướng Tam-muội, nói rộng cho đến nhất tâm, đấy gọi là chỉ.

Quán nghĩa là chỉ kia luôn huân tu, nhớ nghĩ tư duy, như chánh tư duy nơi pháp tướng, ghi nhớ chọn lựa, cho đến “Minh-tuệ”, đấy gọi là quán.

Tu chỉ quán nghĩa là nếu hành chỉ quán, thường tu phương tiện, chóng tu phương tiện, đấy gọi là tu tập chỉ quán. Vui trụ chỉ quán là nơi các tướng của chỉ quán, tâm trụ bất động, phương tiện bất động, có thể tự quán sát, ở nơi tâm đã thâm nhận không tán loạn, đấy gọi là vui trụ chỉ quán. Bồ-tát như vậy như vậy tu tập chỉ quán, như vậy như vậy ưa trụ chỉ quán, như vậy như vậy chỉ quán thanh tịnh, như vậy như vậy thân tâm khinh an dần dần tăng trưởng, như vậy như vậy quán thanh tịnh, như vậy như vậy tri kiến rộng thêm, như vậy như vậy hành tập. Người tu tuệ thân tâm lia ác, biết được tất cả tri kiến thanh tịnh. Tất cả nghiệp tu tuệ đều từ bốn thứ tu như vậy sinh khởi.

Vì sao gọi là chánh giáo thọ? Lược nói có tám thứ chánh giáo thọ. Bồ-tát nương nơi Tam-ma-đề, dạy người tu hành, tâm không để sót. Bồ-tát dạy người, tức tự giáo thọ, như đối với các pháp Phật, trước phải biết bốn thứ cầu: Một là cầu tâm biết cầu tâm. Hai là cầu căn biết cầu căn. Ba là cầu hy vọng biết cầu hy vọng. Bốn là cầu sử biết cầu sử. Năm là tùy theo chỗ thích hợp dùng các loại môn độ mà độ thoát, đó là bất tịnh, tâm từ, phân biệt duyên khởi giới, niệ-m an-na-bát-na. Đấy gọi là tùy theo môn độ thích hợp mà độ thoát. Sáu là chấp biên thường, để đối trị nên nói trung đạo. Bảy là chấp biên đoạn, để đối trị nói trung đạo. Tám là trừ tăng thượng mạn không làm cho là làm, tăng thượng mạn không đắc cho là đắc, không xúc cho là xúc, không chứng cho là chứng. Tám thứ giáo thọ kia lược nói có ba chỗ thâm giữ. Ba chỗ nghĩa là trước tâm chưa trú, khiến buộc niệ-m trong duyên, tâm đã trú rồi, khiến được tự nghĩa, là đạo của chánh phương tiện. Người chưa rốt ráo khiến trụ trong xả, biết căn tâm kia hy vọng, kiết sử ấy tùy sự thích hợp với môn độ mà độ thoát, khiến tâm chánh trụ, buộc niệ-m trong duyên. Việc chấp đoạn,

thường, để đối trị nên giảng nói trung đạo, khiến người trụ tâm thành tựu tự nghĩa, là đạo của chánh phương tiện. Tăng thượng mạn không làm cho là làm, cho đến tăng thượng mạn không chứng cho là; chứng, người chưa rốt ráo thì khiến trụ trong xả. Ba việc như vậy, gồm sáu tám thứ giáo thọ. Như vậy, Bồ-tát lãnh thọ sự chỉ dạy từ người khác, truyền trao cho người xong, tám lực chủng tánh thanh tịnh tăng trưởng. Đó là: Trí lực thiền định, giải thoát, Tam-muội, chánh thọ. Trí lực của các căn lợi độn, trí lực của vô số hành giải, trí lực của vô số giới, trí lực hết thảy chí xứ đạo, trí lực túc mạng, trí lực sinh tử và trí lực lậu tận.

Thế nào gọi là giáo giới? Lược nói có năm thứ: Một là ngăn cấm hành giả có tội. Hai là hành giả vô tội thì đồng ý. Ba là hoặc cấm hoặc chấp thuận, người có thiếu giảm, như pháp nêu lên. Bốn là người luôn luôn vi phạm thì điều phục cho nhớ nghĩ. Năm là không vẫn đục, không biến hoại, thuần tịnh, chánh hướng, hoặc cấm, hoặc nghe pháp, công đức chân thật, thương mến, nhớ nghĩ, khen ngợi, khiến hoan hỷ, đó gọi là lược nói về năm việc giáo của giới Bồ-tát. Đó là: Hoặc cấm hoặc chấp thuận, hoặc nêu lên, hoặc điều phục, hoặc hoan hỷ.

Thế nào là Bồ-tát gồm sáu phương tiện nơi thân, khẩu, ý nghiệp? Lược nói Bồ-tát có bốn nhiếp sự, gọi là phương tiện. Như Đức Thế Tôn nói: Bốn nhiếp sự, gọi là phương tiện. Lược nêu bốn thứ phương tiện để điều phục chúng sinh, sáu giữ chúng sinh không có gì hơn. Một là tùy nhiếp phương tiện. Hai là nhiếp phương tiện. Ba là độ phương tiện. Bốn là tùy thuận phương tiện. Bồ-tát dùng các thứ tài thí, theo đó mà sáu phục chúng sinh, để không ai là không tin thọ vâng thuận tu hành. Đây gọi là bố thí tùy nhiếp phương tiện. Tiếp theo là thực hành ái ngữ, khiến chúng sinh ngu si xa lìa chốn tối tăm, gồm sáu đầy đủ chỉ bày. Đây gọi là ái ngữ nhiếp phương tiện. Nhiếp đủ, chỉ bày rồi, khiến chúng sinh xả bỏ xứ bất thiện, hiểu biết nhận lãnh chỗ thiện, điều phục lạc trụ. Đây gọi là hành lợi độ phương tiện. Bồ-tát như vậy, dùng đồng sự tùy thuận độ thoát chúng sinh, cung kính điều phục, không khởi lời: Ông tự không tin giới, tuệ thí, đa văn, làm sao chỉ dạy cho người, nêu tội, cho niệm? Đây gọi là đồng sự tùy thuận nhiếp phương tiện. Bốn thứ nhiếp phương tiện như vậy, hoặc chung hoặc riêng đều gọi là Bồ-tát nhiếp phương tiện nơi thân, khẩu, ý nghiệp... nhiếp phục chúng sinh, điều phục thành thực.

*

**